

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

V/v tranh chấp lý hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUÂN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Thảo.

Các Hôi thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Minh Hiền
2. Ông Hồ Công Ánh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2018 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 273/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 03 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Quang K , sinh năm 1985; địa chỉ: Đường C, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Bị đơn: Bà Phan Thị Thi T, sinh năm 1984; địa chỉ: Đường C, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn ngày 14/3/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn – ông Phạm Quang K trình bày: Ông và bà Phan Thị Thi T quen biết nhau qua sự giới thiệu của người thân và tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2009 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 143/2009 do Ủy ban nhân dân Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/7/2009. Bản chính giấy chứng nhận kết hôn đã bị thất lạc.

Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống ở Hà Nội một thời gian ngắn, sau đó chuyển về sống tại gia đình ông K ở địa chỉ Đường C, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông và bà T đi đến hôn nhân không xuất phát vì tình yêu mà chỉ là vì trách nhiệm nên trong quá trình chung sống vợ chồng không có sự đồng điệu, thông cảm và chia sẻ lẫn nhau. Ngoài ra, trong cuộc sống hàng ngày, bà T thường có những hành động, lời lẽ không hay và tỏ thái độ không tôn trọng gia đình chồng dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng rất mệt mỏi, không hạnh phúc, mâu thuẫn không thể hàn gắn, ông đã từng hơn 4 lần dọn ra ngoài sống và có ý định ly hôn nhưng nghĩ vì các con ông lại về đoàn tụ. Từ khoảng cuối năm 2016, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không có, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên ông yêu cầu ly hôn với bà T để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Quỳnh N – sinh ngày 10/5/2008 và Phạm Khánh N1 – sinh ngày 06/8/2012. Ly hôn, ông K đồng ý giao 02 con chung cho bà Phan Thị Thi T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; ông cấp dưỡng nuôi mỗi con một tháng 2.500.000đ, hai con 5.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Bị đơn là bà Phan Thị Thi T trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông K về thời gian và quá trình đăng ký kết hôn. Theo bà, cuộc sống chung vợ chồng vẫn bình thường, không có mâu thuẫn gì lớn. Nguyên nhân ông K yêu cầu ly hôn là do ông có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và đã dọn ra ngoài sống riêng hơn một năm. Bà không đồng ý ly hôn nghĩ vì các con, bà chấp nhận cho ông K ngoại tình và chung sống với người khác.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như ông K trình bày. Trong trường hợp ly hôn, bà yêu cầu được nuôi 02 con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, bà yêu cầu ông K cấp dưỡng con Phạm Quỳnh N 4.000.000đ/tháng, không yêu cầu cấp dưỡng đối với con Phạm Khánh N1.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ngoài những ý kiến như đã trình bày ở trên, bà không có ý kiến gì khác và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến nhận xét về việc chấp hành pháp luật về tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án nhân dân quận Tân Bình tuân theo đúng quy định pháp luật về tố tụng. Đang sự chấp hành tốt quy định pháp luật về tố tụng, chấp hành đúng nội quy phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Ông Phạm Quang K có đơn yêu cầu ly hôn với bà Phan Thị Thi T , do bà T cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về sự có mặt của Viện kiểm sát và đương sự tại phiên tòa:

[2.1]. Do Tòa án thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2]. Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Căn cứ theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 09/5/2018 của bà Phan Thị Thi T , Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 143/2009 do Ủy ban nhân dân Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/7/2009 thì hôn nhân của ông K và bà T là hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của ông K , Hội đồng xét xử thấy: Ông K yêu cầu ly hôn với bà T do vợ chồng không có tình cảm, bất đồng quan điểm sống, không có sự tôn trọng gia đình chồng dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc. Phía bà T cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì, vẫn chung sống bình thường, chỉ hơn khoảng 1 năm nay vì ông K dọn ra ngoài sống riêng và ngoại tình với người phụ nữ khác nên mới yêu cầu ly hôn nhưng bà không đồng ý ly hôn là vì các con, chấp nhận cho ông K ngoại tình và chung sống với người phụ nữ đó là có sự mâu thuẫn, không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, cuộc sống vợ chồng phải được xây dựng trên nền tảng của sự thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm và chăm sóc lẫn nhau nên nếu vợ chồng chung sống hạnh phúc thì không có sự việc ông K dọn ra ngoài sống riêng và có tình cảm với người phụ nữ khác; mặt khác, tuy bà không đồng ý ly hôn nhưng lại không chứng minh được tình cảm vợ chồng vẫn còn, không có những biện pháp, thiện chí để hàn gắn những mâu thuẫn, bất đồng mà chỉ muốn níu kéo, ràng buộc ông K về mặt pháp lý và vì các con. Từ sự phân tích trên, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, ông K được ly hôn với bà T theo khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Hai bên khai nhận có 02 con chung tên Phạm Quỳnh N – sinh ngày 10/5/2008 và Phạm Khánh N1 – sinh ngày 06/8/2012. Xét, phía ông K giao 02 con chung cho bà Thơ nuôi dưỡng và phía bà T yêu cầu được nuôi cả hai con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao 02 con chung cho bà T nuôi dưỡng.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, tuy ông K chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi mỗi con 2.500.000đ một tháng nhưng căn cứ vào tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân và xác nhận của ông K thì thu nhập bình quân của ông mỗi tháng khoảng 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) nên việc bà T yêu cầu ông K cấp dưỡng

nuôi trẻ Quỳnh N mỗi tháng 4.000.000đ là có cơ sở chấp nhận. Đối với việc cấp dưỡng nuôi trẻ Phạm Khánh N1 tuy bà T không có yêu cầu nhưng ông K tự nguyện cấp dưỡng 2.500.000đ mỗi tháng nên Hội Đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn – ông Phạm Quang K :

1.1. Về quan hệ hôn nhân: ông Phạm Quang K được ly hôn với bà Phan Thị Thi T

1.2. Về con chung: Bà Phan Thị Thi T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Phạm Quỳnh N – sinh ngày 10/5/2008 và Phạm Khánh N1 – sinh ngày 06/8/2012.

Ông Phạm Quang K cấp dưỡng nuôi con Phạm Quỳnh N mỗi tháng 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Ông K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con Phạm Khánh N1 mỗi tháng 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con từ tháng 7/2018 cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con

1.3. Về tài sản chung: Hai bên khai nhận không có.

1.4. Về nợ chung: Hai bên khai nhận không có.

2. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do ông Phạm Quang K chịu, được căn trừ vào số tiền ông K đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0008059 ngày 27/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Phạm Quang K phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

3. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị trong hạn 01 tháng, kể từ ngày Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.TB;
- CCTHADS Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Bích Thảo